TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS -ST
Ngày 15 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lã Phi Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Nhanh và ông Nguyễn Tiến Bộ
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Quang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở TAND huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/ 2023/ TLST - DS ngày 11 tháng 7 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/ 2023/ QĐXX - ST ngày 01 tháng 8 năm 2023.

* *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968; bà D Thị P, sinh năm 1967

Đều có HKTT: Tổ 2, Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người được nguyên đơn ủy quyền: Bà Đinh Thị Mai H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: P709a, Chung cư S, phường K, quận H, Thành phố Hà Nội.

* *Bị đơn:* Ông Dương Văn T, sinh năm 1969; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971.

Đều có HKTT: Xóm 5, thôn Đ, xã A, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Bà H, ông T, bà N đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đòi nợ ông Phạm Văn H, bà D Thị P và người được ủy quyền bà Đinh Thị Mai H trình bày:

Do có quan hệ họ hàng, nên từ năm 2011 đến năm 2018 vợ chồng ông Phạm Văn H, bà D Thị P có cho vợ chồng ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị N vay tiền nhiều lần. Đến ngày 30/12/2018 (âm lịch) tức ngày 04/02/2019 dương lịch hai bên đã chốt lại số nợ với nhau được thể hiện tại giấy vay tiền. Nội dung giấy vay tiền thể hiện, vợ chồng ông Phạm Văn H, bà D Thị P có cho vợ chồng ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị N vay 3.950.000.000 đồng *(Ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng)* với lãi suất 25.000.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng)*/ 01 tháng. Quá trình vay, vợ chồng ông T, bà N mới trả được cho vợ chồng ông

H, bà Phương 860.000.000 đồng tiền lãi. Ông H, bà Phương đã nhiều lần đòi nhưng ông T, bà N không thực hiện như trong giấy vay tiền. Tính đến ngày 15/8/2023 vợ chồng ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị N còn nợ lại vợ chồng ông Phạm Văn H, bà D Thị P, gốc 3.950.000.000 đồng, lãi 499.166.677 đồng (54 tháng 11 ngày x 25.000.000 đồng/01 tháng = 1.359.166.667 đồng – 860.000.000 đồng). Tổng cả gốc và lãi 4.449.166.667 đồng. Nay ông Phạm Văn H, bà D Thị P làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị N tổng số tiền phải trả 4.449.166.667 đồng *(Bốn tỷ bốn trăm bốn chín triệu một trăm sáu sáu nghìn sáu trăm sáu bẩy đồng).*

Bị đơn ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị N trình bầy: Khoảng năm 2011 đến năm 2018 vợ chồng ông T, bà N có vay tiền của vợ chồng ông Phạm Văn H, bà D Thị P rất nhiều lần. Đến ngày 30/12/2018 (âm lịch) hai bên có chốt lại số nợ được thể hiện tại Giấy vay tiền. Theo như giấy vay tiền thì vợ chồng ông T, bà N có vay của vợ chồng ông Phạm Văn H, bà D Thị P 3.950.000.000 đồng *(Ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng)* với lãi suất 25.000.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng*)/ 01 tháng. Từ khi viết giấy vay tiền cho đến nay ông T, bà N mới trả được 860.000.000 đồng. Do làm ăn kinh tế khó khăn, nên ông T, bà N không thực hiện đúng như cam kết trong giấy vay tiền.

Nay ông Phạm Văn H, bà D Thị P yêu cầu vợ chồng ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị N phải trả tính đến ngày 15/8/2023, gốc 3.950.000.000 đồng, lãi 499.166.667 đồng. Tổng cả gốc và lãi 4.449.166.667 đồng. Ông T, bà N sẽ có trách nhiệm trả nhưng yêu cầu vợ chồng Phạm Văn H, bà D Thị P phải xuất trình các giấy tờ liên quan đến việc vay nợ trước ngày 30/12/2018 để ông T, bà N kiểm tra lại.

Tại phiên toà:

Các đương sự đều giữ nguyên quan điểm của mình và đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Mỹ Đức tham gia phiên toà phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự trong vụ án đều chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc vợ chồng ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị N phải trả cho vợ chồng ông Phạm Văn H, bà D Thị P, tính đến ngày 15/8/2023. Gốc 3.950.000.000 đồng, lãi 499.166.667 đồng. Tổng cả gốc và lãi 4.449.166.667 đồng. Về án phí buộc vợ chồng ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện kèm với giấy vay tiền, lời trình bầy của các đương sự và các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 149, Điều 155 và Điều 156 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Xét thấy: Tại giấy vay tiền do ông Phạm Văn H, bà D Thị P cung cấp có nội dung: Ngày 30/12/2018 âm lịch (tức ngày 04/02/2019 dương lịch) ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị N có vay số tiền của vợ, chồng ông Phạm Văn H, bà D Thị P tổng số tiền mặt là 3.950.000.000 đồng *(Ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng)* với lãi suất 25.000.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng*)/ 01 tháng. Bà N thừa nhận nội dung này do bà N viết, bà N, ông T ký và vợ chồng ông T, bà N đã trả được 860.000.000 đồng. Do làm ăn kinh tế khó khăn, nên vợ chồng ông T, bà N không trả được nữa. Vợ chồng ông Phạm Văn H, bà D Thị P đã nhiều lần đòi nợ, nhưng đến nay vợ chồng ông T, bà N vẫn không trả nợ được. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Phương, buộc vợ chồng ông T, bà N trả nợ số tiền gốc 3.950.000.000 đồng, tiền lãi 499.166.667 đồng. Tổng cả gốc và lãi 4.449.166.667 đồng *(Bốn tỷ bốn trăm bốn chín triệu một trăm sáu sáu nghìn sáu trăm sáu bẩy đồng)* là phù hợp tại các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 184, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H, bà D Thị P đối với ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị N.

Buộc vợ chồng ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị N phải trả cho vợ chồng ông Phạm Văn H, bà D Thị P số tiền gốc là 3.950.000.000 đồng, số tiền lãi 499.166.667 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 4.449.166.667 đồng *(Bốn tỷ bốn trăm bốn chín triệu một trăm sáu sáu nghìn sáu trăm sáu bẩy đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành có đơn đề nghị thi hành án, ngoài khoản tiền phải trả nêu trên, người phải thi hành còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tại thời điểm trả tiền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị N phải chịu 126.491.666 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mốt nghìn sáu trăm sáu sáu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn H, bà D Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.220.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng),* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0039419 ngày 11/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội (bà Đinh Thị Mai H nộp thay).

3. Về quyền kháng cáo: Người được nguyên đơn ủy quyền, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố;
- VKSND Thành phố, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lã Phi Hùng